

Số: 78 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	
ĐẾN	Số: 401
	Ngày: 07/05/2019
	Chuyển gửi: Thông tư

Thực hiện Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018 như sau:

I. QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ MINH BẠCH TÀI SẢN THU NHẬP

1. Hệ thống các cơ quan đảng, đoàn thể, hành chính nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi chung là tổ chức) phải thực hiện công tác minh bạch tài sản, thu nhập có 68 tổ chức đầu mối, gồm: khối Đảng tỉnh có 11 tổ chức; khối Đoàn thể tỉnh có 07 tổ chức; khối Nhà nước có 43 tổ chức (gồm: 14 huyện, thành phố; 29 sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc UBND tỉnh); doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh có 06 tổ chức (giảm 02 đơn vị so với năm 2017 vì đã cổ phần hóa); có 12 tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp tỉnh (do Sở Nội vụ tổng hợp đầu mối báo cáo).

2. Các văn bản pháp luật áp dụng và văn bản chỉ đạo của Trung ương để triển khai thực hiện: UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện quán triệt các nội dung của Luật số 27/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP; Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 29/11/2017 của Chính phủ.

3. Các văn bản chỉ đạo, triển khai của Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong việc thực hiện công tác minh bạch tài sản, thu nhập:

- Kế hoạch số 182-KH/TU ngày 18/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước,

Trưởng ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại phiên họp thứ 15, Chương trình công tác năm 2019 của Ban Chỉ đạo và Báo cáo kết quả kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng tại tỉnh Quảng Ngãi; Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Công văn số 2183-CV/BTCTU ngày 14/11/2018 về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2018; Ban Nội chính Tỉnh ủy ban hành Công văn số 1521-CV/BNCTU ngày 21/3/2019 về báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị.

- UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về nội dung thực hiện nghiêm việc kê khai, minh bạch tài sản thu nhập, cụ thể: Kế hoạch số 436/KH-UBND ngày 19/12/2018 về Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2019 của tỉnh; chỉ đạo Thanh tra tỉnh tổ chức tập huấn về công tác kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

4. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở ngành, UBND các huyện, thành phố đã ban hành văn bản triển khai, thực hiện công tác minh bạch tài sản thu nhập năm 2018 theo quy định. Đến thời điểm báo cáo đã có 68/68 cơ quan, tổ chức đã thực hiện báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập theo đúng thời gian quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MINH BẠCH TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2018 (CÓ PHỤ BIỂU KÈM THEO)

1. Kết quả kê khai

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đã phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập và triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập đến từng phòng, ban và đơn vị trực thuộc; bộ phận tổ chức tiếp nhận, kiểm tra bản kê khai và sao y bản kê khai, nộp bản gốc cho Ban Tổ chức cấp ủy cùng cấp đối với các trường hợp người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý,... theo đúng quy định.

Toàn tỉnh có 68/68 tổ chức tổng hợp kết quả minh bạch tài sản, thu nhập, đạt tỷ lệ 100%. Qua tổng hợp số liệu từ 68 tổ chức báo cáo, kết quả kê khai như sau:

- Số người phải kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2018 là 8.833 người, giảm 159 người so với năm 2017 (*năm 2017: 8.992 người*). Nguyên nhân giảm do sáp nhập các đơn vị, thực hiện đề án tinh giản biên chế, sáp nhập các cơ quan, đơn vị, do có sự điều chuyển công chức, viên chức ra khỏi phạm vi, đối tượng kê khai, về hưu...

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 là 8.831 người, đạt 99,977% số người phải kê khai (8.831/8.833), còn 02 người chưa kê khai, chiếm tỷ lệ 0,023%¹.

¹ UBND huyện Đức Phổ: 01 công chức cấp xã đang trong thời gian nghỉ thai sản; UBND huyện Mộ Đức: 01 người đang đau nằm viện dài ngày

- Số lượng bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là 6.246 bản.
- Số lượng bản kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý là 2.585 bản, trong đó do Tỉnh ủy quản lý là 339 bản kê khai.
- Số lượng bản kê khai do cấp trên quản lý: Không.

2. Kết quả công khai

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đã ban hành Kế hoạch công khai bản kê khai tài sản thu nhập và chỉ đạo việc công khai theo quy định. Có 68/68 tổ chức, đơn vị đã thực hiện việc công khai đúng thời gian quy định, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó có 22/68 tổ chức thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết; có 28/68 tổ chức thực hiện công khai bằng hình thức tổ chức công khai tại cuộc họp và có 18/68 tổ chức thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết hoặc công khai tại cuộc họp. Ngoài ra, cấp ủy các cấp đã chỉ đạo thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên tại chi bộ và của cấp ủy viên tại cấp ủy các cấp theo đúng Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản. Theo báo cáo của 68 cơ quan, tổ chức, sau khi thực hiện công khai không có trường hợp nào phản ánh thông tin về nội dung của bản kê khai tài sản, thu nhập.

Số liệu bản kê khai được công khai cụ thể như sau:

- Số bản kê khai đã công khai là 8.831, đạt 100% so với số bản đã kê khai.
- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết là 4.493 bản, đạt tỷ lệ 50,87% so với số bản đã công khai.
- Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp là 4.338 bản, đạt tỷ lệ 49,13% so với số bản đã công khai.

3. Kết quả thực hiện giải trình, xác minh tài sản, thu nhập

Theo báo cáo của 68 tổ chức, tính đến 31 tháng 3 năm 2019 không có trường hợp nào được yêu cầu giải trình, phải xác minh, kết luận và xử lý trong việc kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018.

Số liệu về giải trình, xác minh tài sản, thu nhập: Không.

4. Kết quả xử lý kỷ luật trong xác minh tài sản, thu nhập

Qua tổng hợp báo cáo của 68 tổ chức cho thấy không có đơn vị nào vi phạm do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; do vi phạm thời gian kê khai năm 2018 (*do chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản*); số người bị xử lý trách nhiệm: không có.

Số liệu về xử lý vi phạm: Không.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Công tác kê khai tài sản, thu nhập đã được UBND tỉnh và thủ trưởng các tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện cơ bản đúng theo quy định, dần đi

vào nền nếp hơn so với các năm trước, đảm bảo theo trình tự, đúng thời gian quy định, chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm quy định về kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập; chưa có trường hợp nào phải giải trình về biến động tài sản, thu nhập. Qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng đã kịp thời hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt hơn công tác minh bạch tài sản, thu nhập.

2. Tuy nhiên việc kê khai, công khai và tổng hợp báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018 còn một số hạn chế như sau:

- Một số trường hợp bộ phận phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị tiếp nhận, kiểm tra Bản kê khai tài sản thu nhập nhưng chưa phát hiện được việc kê khai chưa đầy đủ, chưa đúng yêu cầu theo mẫu kê khai. Qua công tác thanh tra phát hiện một số Bản kê khai tài sản, thu nhập được kê khai chưa đúng theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ.

- Đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai chưa chủ động trong việc kiểm soát, phát hiện những vấn đề kê khai không trung thực để xác minh sau khi hoàn thành việc công khai Bản kê khai tài sản thu nhập tại đơn vị công tác

Việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức vào cuối năm 2019 sẽ thay đổi về nhiều nội dung và cách thức thực hiện. Vì vậy, đề nghị Thanh tra Chính phủ có hướng dẫn chi tiết, cụ thể việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn để UBND tỉnh chủ động trong việc chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, không để vì lý do hiểu biết không thấu đáo quy định dẫn đến khi thực hiện không đầy đủ hoặc vi phạm phải xử lý.

Trên đây là báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập năm 2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Thanh tra Chính phủ theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Cục IV- Thanh tra Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP (NC),
KT, TH, HCTC, CBTH;
- Lưu: VT, NCđmhai231

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng



BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU

Số liệu kê khai, công khai, xác minh tài sản thu nhập năm 2018

theo Báo cáo số 78 /BC-UBND ngày 06 / 5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

STT	Tên đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người được xác minh tài sản, thu nhập	Số người đã có kết luận về việc kê khai tài sản, thu nhập không thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
	1	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11
A	Khối Đảng	168	168	0	168	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	121	121	0	121	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	47	47	0	47	0	0	0	0	0	
	Ban Dân vận	11	11	0	11	0	0	0	0	0	
1	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	7	7	0	7	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	
	Ban Tuyên giáo	15	15	0	15	0	0	0	0	0	
2	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	11	11	0	11	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	
	Ban Tổ chức	26	26	0	26	0	0	0	0	0	
3	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	22	22	0	22	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	
	Ủy ban kiểm tra	15	15	0	15	0	0	0	0	0	

	1	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	7	7	0	7	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	8	8	0	8	0	0	0	0	0	0
	Văn phòng Tỉnh ủy	23	23	0	23	0	0	0	0	0	0
5	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	18	18	0	18	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	5	5	0	5	0	0	0	0	0	0
	Ban Nội chính	13	13	0	13	0	0	0	0	0	0
6	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	10	10	0	10	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
	Đảng ủy khối các CQNN	15	15	0	15	0	0	0	0	0	0
7	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	8	8	0	8	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	7	7	0	7	0	0	0	0	0	0
	Đảng ủy khối các DNNN	12	12	0	12	0	0	0	0	0	0
8	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	7	7	0	7	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	5	5	0	5	0	0	0	0	0	0
	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	5	5	0	5	0	0	0	0	0	0
9	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0
	Báo Quảng Ngãi	13	13	0	13	0	0	0	0	0	0
10	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	10	10	0	10	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
11	Trường Chính trị	20	20	0	20	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	17	17	0	17	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
	B Khối Đoàn thể	138	138	103	35	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	118	118	91	27	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	20	20	12	8	0	0	0	0	0	0
	UBMTTQVN	14	14	14	0	0	0	0	0	0	0
1	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	11	11	11	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0
	BCH Đoàn Tỉnh (Tỉnh đoàn)	17	17	17	0	0	0	0	0	0	0

	1	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11
3	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	34	34	34	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0
4	Sở Giáo dục và đào tạo	183	183	0	183	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	180	180	0	180	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
5	Sở Giao thông vận tải	94	94	0	94	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	90	90	0	90	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	0
6	Sở Nội vụ	36	36	36	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	33	33	33	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0
7	Sở NN&PTNT	383	383	345	38	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	379	379	341	38	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0
8	Sở Ngoại vụ	12	12	12	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	10	10	10	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	2	2	2	0	0	0	0	0	0	0
9	Sở LĐTB&XH	89	89	0	89	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	85	85	0	85	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	0
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	35	35	0	35	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	32	32	0	32	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
11	Sở Khoa học và Công nghệ	37	37	37	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	33	33	33	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0
12	Sở Tài chính	53	53	53	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	49	49	49	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Thông tin và truyền thông	16	16	0	16	0	0	0	0	0	0

	1	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	13	13	0	13	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
	Sở Tư pháp	30	30	30	0	0	0	0	0	0	0
14	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	27	27	27	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0
	Sở VH TT & DL	100	100	100	0	0	0	0	0	0	0
15	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	96	96	96	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Xây dựng	39	39	3	36	0	0	0	0	0	0
16	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	36	36	0	36	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Y tế	1003	1003	999	4	0	0	0	0	0	0
17	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	999	999	999	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	0
	Sở Tài nguyên và Môi trường	209	209	19	190	0	0	0	0	0	0
18	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	205	205	15	190	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0
	Thanh tra tỉnh	37	37	0	37	0	0	0	0	0	0
19	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	33	33	0	33	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	0
	Ban quản lý khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp	202	202	48	154	0	0	0	0	0	0
20	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	198	198	44	154	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	4	4	4	0	0	0	0	0	0	0
	Ban dân tộc	13	13	13	0	0	0	0	0	0	0
21	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	10	10	10	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0
	Đài phát thanh truyền hình	21	21	0	21	0	0	0	0	0	0
22	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	19	19	0	19	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	2	2	0	2	0	0	0	0	0	0

	1	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh	5	5	0	5	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	4	4	0	4	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0
C2	Các đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh	273	273	170	103	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	264	264	167	97	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	9	9	3	6	0	0	0	0	0	0
1	Ban quản lý các công trình giao thông tỉnh	82	82	0	82	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	79	79	0	79	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
2	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	48	48	48	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	47	47	47	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	22	22	22	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	22	22	22	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	57	57	57	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	56	56	56	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0
5	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	21	21	0	21	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	18	18	0	18	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	3	3	0	3	0	0	0	0	0	0
6	Trường Cao đẳng Việt Nam-Hàn Quốc-Quảng Ngãi	43	43	43	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	42	42	42	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0
C3	UBND các huyện, thành phố	5.438	5.436	2.423	3.013	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	3.025	3.023	1.168	1.855	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	2.413	2.413	1.255	1.158	0	0	0	0	0	0
	UBND huyện Bình Sơn	729	729	642	87	0	0	0	0	0	0

	1	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11
11	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	349	348	105	243	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	149	149	37	112	0	0	0	0	0	
12	UBND huyện Trà Bồng	313	313	102	211	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	111	111	43	68	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	202	202	59	143	0	0	0	0	0	
13	UBND huyện Tư Nghĩa	472	472	195	277	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	311	311	114	197	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	161	161	81	80	0	0	0	0	0	
14	UBND TPQN	640	640	369	271	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	308	308	137	171	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	332	332	232	100	0	0	0	0	0	
D	Doanh nghiệp nhà nước	79	79	39	40	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	79	79	39	40	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Công ty TNHH MTV XS kiến thiết	14	14	0	14	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	14	14	0	14	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Công ty TNHH MTV khai thác CT thủy lợi	28	28	28	0	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	28	28	28	0	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Công ty TNHH MTV ĐTXD&KDDV	26	26	0	26	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	26	26	0	26	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Công ty MTV Lâm nghiệp Trà Tân	3	3	3	0	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Công ty Lâm nghiệp Ba Tô	5	5	5	0	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	5	5	5	0	0	0	0	0	0	
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Công ty TNHH MTV NL nghiệp 24/3	3	3	3	0	0	0	0	0	0	

	1	2	3=(4+5)	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
E	Các hội, đoàn thể	55	55	12	43	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	43	43	0	43	0	0	0	0	0	0
	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	12	12	12	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng:	8.833	8.831	4.493	4.338	0	0	0	0	0	0
1	Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý	6.248	6.246	3.161	3.085	0	0	0	0	0	0
2	Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý	2.585	2.585	1.332	1.253	0	0	0	0	0	0